

LIÊN HOA

VĂN TẬP

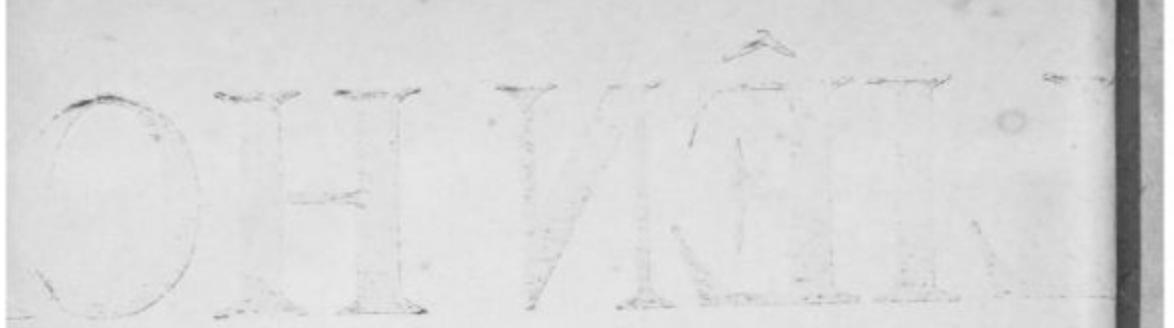
RÂM THÁNG HAI ĐINH DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

2



JAN TRUYỀN-BÁ PHẬT-PHÁP CỦA GIÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PH



UẨN HƯƠNG HÀM ĐIỀU MÃ

02 AL 007 001



QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG / HỘ KHẨU CIVIC GROUP / HÀ NỘI

LIÊN - HOA

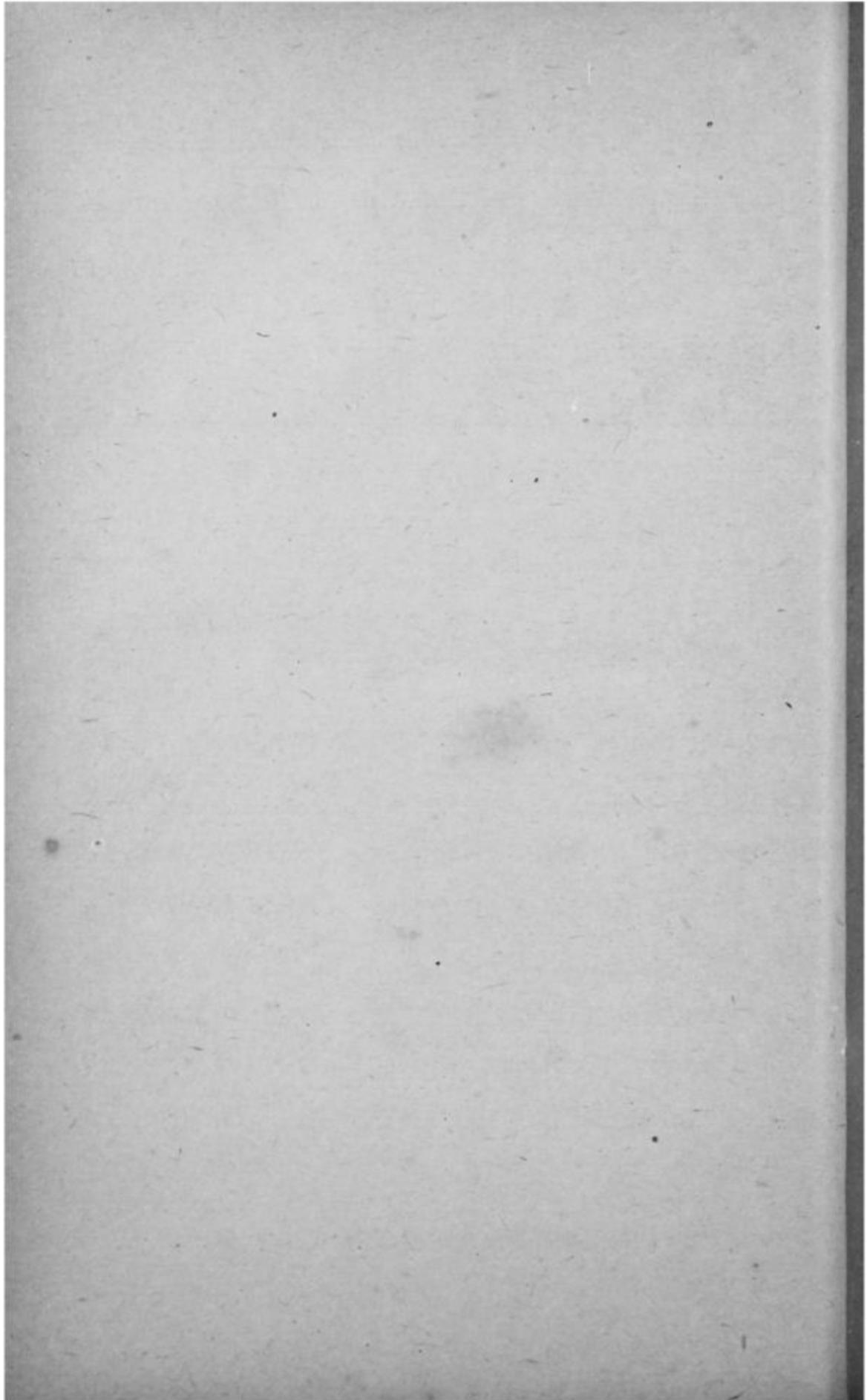
VĂN TẬP

MỤC LỤC SỐ 2

RA THÁNG HAI ĐINH-DẬU

NGÀY XUẤT GIA	T. Q.
ĐỜI SỐNG VUA A-DỤC	NGUYỄN-THỌ
TÂN DUY THÚC LUẬN	THÁI-HƯ ĐẠI-SƯ
BÊN GIÒNG ANOMA (Thor)	CÔNG-BÊ
CÁC HỌC GIẢ TRÚ DANH...	THIỆN-CHÂU <i>dịch</i>
TRẢ LỜI CÂU HỎI CỦA CÔ Q. H.	THÍCH MINH-CHÂU
CON MUỒI...	Cô ĐOAN-HẠNH
LỄ PHẬT SANG XUÂN (Thor)	TRẦN-VĂN
TÌNH THƯƠNG VÀ CỬU HÂN (mẫu chuyện)	HUYỀN-THANH
CHIÊM BÁI PHẬT TÍCH TẠI ĂN-ĐỘ	MINH-CHÂU
TIN TỨC	

HOA - SĨ PHẠM-ĐĂNG-TRÍ *Trình bày*



NGÀY XUẤT GIA

NAM - MÔ - BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

MỞ trang lịch - sử của Phật ôn lại mẫu đời của Ngài khi xuất hiện thiêng liêng, lúc thành đạo cao cả, để un đúc cho tâm trí chúng ta những đức tánh rạng ngời và thanh tịnh; cũng như lúc tịnh tâm nhớ lại pháp âm vi-diệu của Phật dạy, công hạnh lợi lạc độ sanh của Phật làm, để sửa chữa cho ta giảm bớt đến diệt sạch những ích kỷ mê lầm chứa tự vô thi kiếp; hôm nay cũng cùng mục đích ấy, chúng ta vận lòng thành kính tri ân, cử hành lễ kỷ niệm xuất-gia của đức Thích-Ca Thế-Tôn.

Ngày nay là một ngày lễ mà sự hệ trọng đối với hàng Phật tử cũng tương đương như những ngày lễ Phật giáng-sinh, Phật thành đạo, Phật niết bàn. Song muốn kỷ niệm cho được xứng đáng đối phần với ý nghĩa xuất-gia của Ngài, chúng ta không thể đề tâm niệm xuôi dòng theo tập quán thô sơ, thiếu sự suy nghĩ và trưởng nhớ tinh thần tu học. Quên nghĩ tinh thần tu học thì đối với công đức cao dày, bản hoài chí thương của Phật, dù chúng ta có đem hương hoa đầy cả tam thiên đại thiền thế giới mà cũng đường cũng chưa xứng đáng được. Thế nên muốn kỷ niệm hay muốn cúng dường Phật, chúng ta chớ

quên hương hoa chân thật ở chính trong tâm tánh của chúng ta, hương hoa của đức từ-bi, của trí bát nhã, của hạnh vô úy, của tâm lợi tha. Chúng ta hãy tự đốt lên những thứ tâm hương, những thứ tánh hoa vô thượng ấy để cúng đường đức Thế-Tôn.

Để có những hương hoa của tâm tánh thanh tịnh ấy, trong ngày lễ hôm nay, chúng ta hãy tịnh tâm định ý nghĩa của Nó mà ôn lại chí khí xuất trần, đại nguyện độ sinh của đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa khi Ngài xả bỏ tất cả, xuất-gia vì muôn loài.

Ngài xuất-gia lúc đêm khuya lặng lẽ, theo Ngài chỉ có một người nghĩa bộc và bốn vó ngựa câu, nhưng bao nhiêu ý nghĩa thâm cao vĩ đại của sự xuất-gia ấy đã làm cho vô lượng chúng sinh hoài cảm mãi mãi và nhờ Nó, họ tỉnh giấc hôn mê, qui đầu về giác ngộ.

Trong lịch-sử của loài người thông minh nhưng đau khổ, đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa là người đầu tiên đã tìm và tìm được Đạo-Diệm-Khổ, để lại cho chúng sinh những bài học thâm thiết và thực tế là chiến thắng; đến diệt sạch nguyên nhân khổ náo, kẻ thù chánh của kiếp chúng sinh.

Khi Ngài đã thành trí-giác vô thượng kết quả cứu cánh của sự xuất-gia. Ngài có tuyên bố như vậy: « Người thợ ấy làm đi làm lại mái cái nhà của ta, nhưng cái nhà ấy nay đã phá, và ta hủy bỏ luôn người thợ. Người thợ ấy là vô minh ái dục ». Bởi vậy, Ngài tuyên bố sinh tử đã hết, luôn hồi cung không còn và con đường đi đến kết quả ấy đã thấy rõ trong lời Ngài tuyên bố trên, khi Ngài thành bức Đại-Giác.

Quả vị Đại-Giác mà thành tựu được đó, vốn cũng khởi nguyên từ sự xuất-gia cao thượng của Ngài. Ngài đã xuất-gia khi thâm tâm của Ngài tích tụ mối từ-bi vô lượng, quả quyết giải thoát những thống khổ mà Ngài đã thấy ở chính Ngài, ở

khắp mọi người mọi vật. Những hôm sau các cuộc du hành bốn phía hoàng thành Ca-tỳ-la, đã để lại cho Ngài sự xác nhận lẽ vô thường của kiếp người qua những quá trình sinh lão bệnh tử. Có ai ngờ những cảnh-huống đó có được chung quanh một hoàng thành hoa lệ? Có ai ngộ được những cảnh huống đó bao vây giết hại kiếp người, kiếp sống mà con mắt chúng sinh bao giờ cũng thấy thú? Nên mỗi cảm khái vô hạn đã nỗi dậy trong lòng Ngài. Và Ngài đã quyết chí xuất-gia, khiến ngày mồng 8 tháng 2 này trở thành ngày đầy ý nghĩa, chói lọi muôn thuở cái chí xuất-trần cứu thế của Ngài.

Sau buổi dạ hội, khi cung tần mỹ nữ cũng như quan lại nhân dân cùng toàn thể vạn vật đang say sưa giấc mộng trong đêm trường hắc ám phủ kín dưới bóng tối của vô minh, thì Ngài dũng liệt đứng dậy, rũ bỏ ân ái, xa lánh ngai vàng, bước theo dấu chân của các Vị Chí-Giác trên đường Chánh-Đạo. Với lòng từ-bi bình đẳng, Ngài vươn mình ra ngoài tất cả quan niệm hẹp hòi về nhân ngã bỉ thử, chủng tộc và quốc gia, mà đặt mình vào bản tánh bao la của bản thể thanh tịnh.

Lấy việc độ sanh làm nhiệm vụ, nên trên đường hoằng hóa, đi đến đâu Ngài gieo rắc an vui, để lại giải thoát, thế hệ này qua thế hệ khác, giáo lý Ngài trái ngược với những kẻ thường nhân đi đến đâu là để tai vạ ở đó, gây mãi bất an cho muôn loài. Cho nên ôn lại cái đêm lành của nhân loại, đêm Ngài xuất-gia, chẳng những giúp chúng ta tăng lòng từ-bi mà còn giúp chúng ta tăng thêm trí giác-ngộ để nhận rõ giá trị chân thật của mình, của muôn vật và luôn theo, nhận nோ Chánh phải đi của kiếp người.

Từ lâu, vì tánh mê mờ đên đảo khiến chúng ta không giờ phút nào không mơ tưởng đến cái hạnh phúc của đau khổ biến trá do tiền tài danh vọng đưa lại, thì giờ đây, giờ phút xuất-gia của Đức Thê-Tôn, quả là ánh sáng vĩ đại chiếu tan

mây mù dày đặc, đưa chúng ta ra với mặt trời Trí-tuệ, vạch rõ cho chúng ta thấy muôn cải tạo thế giới ác trước thống-khổ này trở thành thế giới thanh tịnh, an vui, thì công việc trước hết là phải đoạn trừ tham ái, phải sáng suốt mà thấy cái mong manh của vật dục, giá trị của nó chẳng đem lại được gì vĩnh cữu cho chúng ta ngoài đau khổ với đau khổ. Sự nhận thức này lại càng cần thiết vô cùng đối với nhiệm vụ muôn hướng dẫn người, bởi vì lòng tham ái, tánh bỉ thủ không thể hướng dẫn mình và người đi đến đâu ngoài sự tiêu diệt cả. Trong tất cả mọi mặt, chúng ta phải xác nhận rằng muôn đem lại đời sống an lành vĩnh cữu thì chỉ có thể dựa vào tâm lý thanh tịnh, biết cố gắng thực hành những pháp ly-dục và vô-nghã của Đức Từ-Bi đã chỉ đạo mà thôi.

Bởi vậy, mỗi lần kỷ niệm ngày xuất gia của Đức Phật là mỗi lần nhắc nhở cho chúng ta nhận thấy cái ý nghĩa của sự xả bỏ ngai vàng, giao trả bảo kiếm, cõi bỏ hoàng bào ở sông A-nô-ma của Đức Thầy Chi-Giác, để vừa nhận rõ tánh cách hư huyền tai hại của vật dục, vừa nhận rõ tánh cách giải thoát quan trọng của sự xuất-gia trong Chánh-pháp.

Có nhiều người làm cho sự xuất-gia là chán nản, là an ủn, là ép xác, là xa vọng. Nhưng sự thực, những sự kiên chí, chịu đựng đã phải có trong sự xuất-gia, mà sự xuất-gia lại còn tuyệt đối đòi hỏi những nhận thức thấu triệt. Đặc biệt là phải chiến thắng dục vọng, nhất là tánh tình cầu an, nhanh nại bao nhiêu cơ hàn và thử thách, mới mong đi đến được đoạn nào trên đường Giải-thoát quang đãng và sạch sẽ.

Bát cơm không ngon miệng, tiếng khóc của con thơ, nước mắt của người vợ, ngàn áy thoi cũng đủ trở ngại giốt chết chí hướng xuất trần rồi, huống chi danh vọng và quyền quý của đế vương? Thế nhưng đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa đã xả bỏ tất cả cho lòng đại-bi cứu thế: Ngài đã làm một việc mà gương

sáng sẽ mãi mãi treo cao cho chúng ta soi chung. Hôm nay
nhớ đến sự hy sinh vô lượng của Đức Bổn-Sư là một dịp
nhắc nhở cho chúng ta bồn phận phải hy sinh vì Chánh-pháp.

Trong thời buổi mạt-pháp này, nhân tâm phần nhiều chỉ
nghĩ đến sự tham lam xâu xé, thì Chánh-pháp cần phải được
nhiều người thực hành và truyền bá. Nhưng, những người ấy
là ai? Ai là người có thể chịu đựng mọi nỗi khó khăn, khổ
cực, hy sinh tất cả những thứ khó hy sinh để xuất-gia, gánh
vác lấy Chánh-pháp vô thượng mà giác tha và tự độ? Ai là
người có chánh tín, làm người cư-sĩ nhiệt thành với Tam-Bảo
như ông Tu-Đạt hay A-Dục vương? Những người ấy phải
chẳng là những người mà giờ đây, xả bỏ tất cả niệm nhân ngã,
tánh bỉ thủ, ý địa vị, lòng quyền lợi, rái rác khắp năm châu
đang đồng tâm nguyện kính cần hướng vào Đức Từ-Bi mà thống
nhất ý chí lại trong đại nguyện “Hoằng Pháp và Hộ Pháp”

Kỷ niệm ngày xuất-gia của Phật hôm nay, chúng ta chớ
nên quên bản hoài của Ngài để gạt bỏ tâm tánh thấp hèn của
mình mà nhớ lấy bồn phận thiêng liêng đối với Chánh-pháp.
Cứu xin Đức Thê-Tôn từ-bi chứng minh cho tâm thành của
chúng con.

T. Q.

Bát cơm không ngon miệng, tiếng khóc của con
thor, nước mắt của người vợ... cũng đủ giết chết
chỉ xuất trần; hương chi danh vọng quyền quý của
Đế-vương. Thê mà Thái-Tử-Tật-Đạt-Đa đã xâ
bỏ tất cả cho lòng đại-bi cứu thế.

ĐỜI SỐNG VUA A - DỤC (Asoka) hay sự phục vụ Chánh - pháp

*Kinh tặng Thầy Thích Đức-Tâm,
người đã chỉ-dẫn cho tôi trên con đường học đạo.*

NGUYỄN - THỌ

VÀO khoảng thế-kỷ thứ tư trước Tây-lịch, sau 200 năm khi đức Phật nhập-diết, A-Dục vương, vị vua xứ Magadha ở Ấn-Độ, là một ông vua hiếu-chiến, luôn luôn dùng vũ-lực để áp-chế các xứ nhược-tiểu. Muốn mở rộng đế-quốc, thỏa-mản lòng tham Ngài đã không kè đến tình huynh-dệ khi xua quân tàn-sát người anh của Ngài. Do đó, vô số gia đình đã bị giết hại. Thời bấy giờ người ta gọi Ngài là vua A-Dục bạo-tàn (Chandasoka).

Một hôm Ngài gặp vị Tỳ-kheo Samudra thuyết-pháp, lần nghe Pháp ấy đã làm cho A-Dục vương tĩnh ngộ, Ngài hối-hận những việc bạo tàn ngày trước đã làm, rồi quăng vứt gươm dao Ngài mạnh dạn tuyên bố : « **Thắng lợi chân - chính**

là ở Chánh-pháp chứ không phải do vũ-khi ». Từ đó Ngài lại hết lòng quy-ngưỡng về Phật-giáo, sống một cuộc đời thanh-khiết, đạo-dức và tích-cực phụng-sự Phật-giáo. Ngài đã dùng mọi khả-năng cũng như tài-sản sẵn có để phò-biển Phật-giáo. Trước hết, Ngài công nhận Phật-giáo là một quốc - giáo chính-thúc. Tà có thể nói Ngài có đại công-dức với Phật-giáo là mở kỵ kết tập lần thứ ba tại thành Pâlaliputra để bảo-tồn Tam-tạng Pháp-bảo tiếng Pâli, để lưu truyền hậu thế. Và Ngài chỉnh-dốn lại Tăng-già, trong Tăng - giới Ngài đã thải hồi các Tỳ-kheo bất chính, nhưng lại cung kính phụng sự các vị nghiêm-trì giới luật. Để truyền-bá Chánh-pháp, Ngài đã cho phép Hoàng-tử Mahinda và Công-chúa Sanghamitta

con của Ngài xuất-gia rồi di phò-biển Phật-giáo tại đảo Tích-Lan. Ngài đã thỉnh các vị Tăng-già trong xứ di truyền-giáo khắp nơi. Nhờ thế, ánh-sáng của Phật-Đà mới chiếu rọi khắp xứ Ấn-Độ, đặc-biệt là những xứ lân-cận như Tích-Lan, Cachemire v.v... Đè phung thờ Xá-lợi của đức Thế-Tôn và ghi dấu những Phật-tích ở Ấn-Độ, Ngài đã dựng lên trên toàn cõi xứ Ấn-Độ 48.000 thánh-tháp trong đó 4 nơi danh-tiếng là Kapilavastu Buddha Gaya Isipatana, Kusinara hiện nay vẫn còn mà ai ai cũng biết. Về phương-diện xã-hội, Ngài đã ban hành những đạo-dụ hủy bỏ chính-sách tra-tấn tàn-nhẫn, dã-man, cũng như sự giết súc-vật để cúng tế quỷ-thần. Ngài lại chú-trọng đến việc giáo - dục dân chúng Quy-y Tam-Bảo, thọ trì 5 giới, trong nước Ngài thời ấy tuyệt nhiên không có những điều mê-tín dị-doan, hay những nạn trộm cướp lường-gạt, rượu chè dâm-ô v.v... Ngài đã sai đào giếng ở hai bên đường cũng như xây-dựng, những bệnh-viện không những để chữa bệnh, cung cấp thuốc-men cho người nghèo khổ đau-ốm, mà lại còn cho cả súc-vật nữa.

Ngài hòa-hiếu với các nước lân-bang thỉnh các Tỳ-kheo qua phò-biển Phật-pháp ở các nước ấy.

Sau khi nhìn lại gương sáng vĩ-dai của A-Dục vương đại đế, chúng ta thấy rằng: Ngài là một ông vua bạo-tàn, một kẻ gác chiến, giết hại biết bao sinh-linh mà chỉ có Phật-giáo vô-dịch đã thuyết-phục được Ngài, khiến Ngài trở nên một vị đế-vương hoan-hỷ từ bỏ gươm dao, ngăn cản sự tàn-sát người và vật: một vị đại hộ-pháp của Phật-giáo.

Như thế, A-Dục vương đã là một Phật-tử chân-chính, biết áp dụng chân-tinh-thần Phật-giáo bằng cách tích-cực hộ-trì và hoằng-dương Chánh-pháp. Gương sáng đó vẫn còn soi sáng mãi cho chúng ta trên con đường phục vụ Chánh-pháp.

Hơn ai hết, Phật-tử chúng ta phải noi gương A-Dục vương hết lòng phục-vụ Chánh pháp bằng cách gieo rắc những giáo-lý vô-song của đức Thế-Tôn cho toàn thể nhân-loại nói chung, cho người láng-giềng, anh em bà con của chúng ta nói riêng.

Khi toàn thể nhân-loại đều thực-hành giáo-lý của đức Phật thì lẽ gì hòa-bình thế-giới không thực-hiện được.

NGUYỄN - THỌ

(Tài liệu rút trong tạp chí:
THE BUDDHIST WORLD)

TÂN DUY-THỨC

LUẬN

THÁI-HƯ ĐẠI SƯ

(Tiếp theo số 12 năm thứ hai 1956)

HỎI. — Công-năng chủng-tử có những tính cách gì?

GIẢI THÍCH. — Công-năng chủng-tử phải có những tính cách sau đây :

1) *Sát-na-diệt.* — nghĩa là diệt rồi sinh, sinh rồi diệt và có công-lực thù-tháng, chứ không phải là pháp ngưng-dụng và-dụng.

2) *Quả cầu-hữu.* — nghĩa là nhơn (chủng-tử) cùng với quả (hiện-hành) phải đồng-có cùng một lúc ở một chỗ, ví như huyêt-bào cùng với xác-thân đồng-thời có nhưng mà huyêt-bào lại chính là nguồn cội của xác-thân. Chủng-tử đối với các pháp hiện-hành cũng vậy.

3) *Hẳng-tùy-chuyển.* — nghĩa là hẳng-thường chuyển-biến tùy-theo bản-thức, nói cách khác, mỗi mỗi công-năng chủng-tử đều tương-tục không gián-đoạn, cho nên nhất-định phải y-tri, tùy-thuận với bản-thức,

4) Tánh quyết-định, — nghĩa là công-năng chủng-tử nào
hết-định, sinh ra hiện-hạnh quả-trưởng nấy, như hạt lúa nhất
lịnh sinh ra cây lúa, đất quyết-định chỉ làm ra đồ bằng đất.

5) Đãi chung-duyên — nghĩa là phải chờ các duyên trợ
giúp mới sinh khởi hiện-hạnh được, như hạt lúa phải đợi
ở đất, nước, ánh-nắng, phản-tro v.v... mới nẩy thành cây
được. Tóm-lại phải có đủ 3 tinh-cách vừa kề trên mới
lực-gọi là công-năng chủng-tử, trái-lại, không được. Mỗi
nột chủng-tử đều-có năng-lực trực-tiếp phát-sinh hiện-hạt h
uà-pháp của riêng-mình, ấy gọi là « sinh-nhơn ». Thể-lực
lúa chủng-tử chưa hết-hắn, nên khiến những hiện-hạnh còn
lực-sống thừa-thêm một-lúc, như khi tắt máy rồi mà quạt
hiện-vẫn còn chạy-thêm, ấy gọi là « dẫn-nhơn ». Như-vậy, phải
biết thêm rằng : hạt giống-dậu, giống-lúa v.v... chỉ là trợ
duyên-thiết-yếu của cây-dậu, cây-lúa, chứ không phải nhơn-chính,
trực-tiếp sinh ra đậu-lúa, mà nhơn-chính-tức là các
nguyên-tố-vật-chất. Nhưng các nguyên-tố ấy có là do hành-nghịp
cộng-đồng của hết-thảy loài hữu-tinh cùng huân-tập
và-thực mà sinh-trưởng-ra. Do đó mà có câu-ráng « Những
giá-cá-thức duyên, đều do các-thức hiện. »

HỎI. — Trong duy-thức-học thường nói đến chữ-huân-tập.
Vậy cho biết-tinh-cách của chữ ấy ?

GIẢI THÍCH. — Huân là xông-ướp, tập là tập-luyện
thành-thói-quen. Phải có-năng-huân-tập và sở-huân-tập mới
thành-sự-huân-tập được. Sở-huân-tập (bị-ướp) phải có-tinh
vĩnh-cữu, tinh-bình-dâng, tinh-tự-tại, tinh-dung-chứa, và tinh
hòa-hiệp với phía-năng-huân. Nếu thiếu-một trong-các-tinh-ấy
thì-bắt-thành « Sở-huân ». Nhưng chỉ-có « sinh-hóa-thể-hực »
là-có-dù các-tinh-cách-vừa-nói-trên, nên cũng chỉ-có-nó-mới
làm « sở-huân » mà-thôi (tức là làm-chỗ-bị-huân-tập). Còn
« năng-huân » (hay-huân-tập cái-khác), phải-có-tinh-vô-thường
sinh-diệt-bởi-vì nếu-thường thi-không-biến-sang cái-khác,
không-thành-năng-huân ; phải-có-tinh-thù-thắng-mới-huân
cho cái-khác ; phải-có-tinh-giảm-bớt-ở-mình để-làm-tăng-thêm
ở-kia ; và cuối-cùng phải-có-tinh-hòa-hiệp-bất-tức-bất-ly-với

phía sô-huân. Nếu thiếu một trong các tinh vừa nói trên thì không thành nǎng-huân. Nhưng trừ thức thứ tám (A-lại-gia) thì 7 thức trước và các tinh sô của nó đều có đủ tinh cách trên, nên chúng đều đủ tư-cách làm nǎng-huân. Cách huân-tập này, ví như trong một cái nhà không có mùi gì, ta đốt trầm hương ở đó một thời gian, cái nhà kia tắt có mùi thơm, mặc dầu lò trầm caye hương đã tắt. Hoặc như ta tập viết chữ đã thành thạo, dầu lúc không viết, song cái khả năng viết chữ cũng vẫn còn. Do cái lề huân-tập ấy, nên khiển cho các thức với thức thứ tám thường đáp đổi làm nhơn quā với nhau, nghĩa là các công-năng của thức này trực tiếp sinh ra các thức, các thức khác lại huân-tập làm sinh trưởng công-năng của thức này.

Xét kỹ đạo lý đó, thời có thể biết rằng,, các thức sinh ra khøng cần phải ngoại-duyên như ta lầm tưởng, mà thật ra chỉ do các thức đáp đổi nương nhau sinh khởi vậy.

T. Đ. dịch
(Còn nữa)

*Thắng lợi chân chính, là ở Chánh-
Pháp ; chữ không phải do vũ - khí*

BÊN GIỜNG ANOMA

Mến tặng các em gia đình Tịnh-Bình

Đêm nay bên dòng sông ANÔMA
Nơi chấm dứt cuộc đời vương giả
Vị cứu tinh muôn ngàn thế hệ
Quyết ra đì cứu thoát mọi loài



Xà-Nặc ơi con về đi nhé
Ta đi vì nhân loại cuồng say
Bao phong sương mưa gió dạn dày
Ta chẳng quản quyết tìm chân lý



Thưa Thái-tử | Đường đầy cạm bẫy
Mình ngài sao chịu nỗi gian lao
Ngài đi, Công-chúa lệ ứa-trào
Ôi đau khổ, kiếp đời phiêu-bạt

Không thể được ta phải ra đi
Ngày mai ánh sáng rực kinh kỳ
Ta hẹn sẽ khi đắc đạo
Tình đời sưởi ấm cảnh chia ly



Xà-Nặc ơi, người có nghe chăng ?
Tiếng gió thầm reo kiếp đọa đày
Của bao người vạn ngã cuồng say
Của bao thế hệ thế gian này.



Ta ra đi quyết tìm chân lý
Cho mọi loài bát ngát tình thương
Lẽ sẽ với khắp vạn nẽo đường
Tình chan chứa rực rõ lên hương



Xà-Nặc ơi, con về đi nhé !
Giờ đến rồi ta phải sang sảng
Ngày mai đây thế giới rực ánh hồng
Lòng hoan lạc chứa chan niềm giao cảm

CÔNG - BÊ

Các học giả trùm danh thế-giới

ĐỐI VỚI

PHẬT - GIÁO

Lý luận của Phật - Giáo làm cho bậc thượng - tri không hề không tin. Giới-Luật của Phật-Giáo làm cho kẻ tầm-thường sung sướng tin theo? Thấu suốt cả trên lẫn dưới, Phật-Giáo quả thật là một tôn-giáo cần thiết cho nhân-loại.

CHƯƠNG THÁI-VIÊM (*Trung-Hoa*)
(Trong bài diễn thuyết tại Đông-Kinh Học-Viện)

Phật-Giáo lấy hy-sinh làm chủ-nghĩa, lấy việc cứu tế chúng sanh làm nhiệm vụ.

TÔN TRUNG-SƠN (*Trung-Hoa*)

Giáo-Lý của đức Phật không những là món ăn thích hợp của người Đông-phương mà cũng là vật nhu cầu của tất cả người Tây-phương. Ai nghiên cứu kỹ về Phật-Giáo đều được đạt đến cái Trí-tuệ sáng-suốt hoàn toàn không thể nghĩ bàn. Nay thời cơ đã đến, người Đông-phương nếu đem giáo-lý Đại-thừa Phật-Giáo chỉ bày cho người Tây-phương. Người TâY-phương nên gấp nghiên cứu tu-học. Bảo vật cống hiến cho thế-giới văn-minh của người Đông-phương là Đại-thừa Phật-Giáo:

LIE MATTYSSEN (*Người Đức*)

Giáo-chủ Hồi-giáo là ông Mô-hân-mặc-đức (Mahomet) tay trái phải cầm kinh CORAN mà tay phải thì cầm kiếm để giết những kẻ không theo đạo mình. Cơ-Đốc giáo đã xung đột với Hồi-Giáo mà gây ra cuộc chiến tranh của đoàn THẬP-TƯ QUÂN kéo dài mấy trăm năm. Ngay trong Cơ-Đốc giáo cũng có cuộc chiến tranh giữa Tân-Giáo và Cựu-Giáo kéo dài gần mươi năm. Riêng Phật-Giáo thì không làm xảy ra cuộc chiến tranh nào. Chỉ một điều ấy các Tôn-giáo khác cũng không sánh kịp Phật-giáo rồi.

THÁI NGUYÊN-BỒI (*Trung-Hoa*)

Tôi thấy những người mê-tín gặp những chân-lý cao-siêu mầu nhiệm thì liền bảo áy là điều hiều biết của đấng Tạo-hóa, chúng ta không tài nào hiều biết được. Như thế thì chẳng khác gì pháp-luật của chế độ quân chủ chuyên chế không phải điều hiều biết của nhân dân.

Phật-Giáo không như thế, đại cương của Phật-Giáo là phải dùng mảnh thật hành song song theo Từ bi Trí tuệ. Từ khi sơ phát tâm cho đến khi thành Phật lấy việc «chuyển mê thành ngộ làm đại sự nghiệp.» Và vấn đề tín ngưỡng của Phật Giáo là «trí tin» chứ không phải «mê-tín.» «Kiêm thiện» chứ không phải là «độc thiện.» «Nhập thế» chứ không phải là «yếm thế.» Và Tôn-Giáo đã làm cho lịch-sử văn-hóa nước nhà sáng tỏa chính là Phật-Giáo vậy.

Trong thời Lục-triều, Tùy-Đường, những người học thức uyên bác chí hạnh cao khiết đều quý-y với Phật-Giáo cả.

LƯƠNG KHẢI-SIÊU (Trích trong tập Âm băng Thất)

Phật-Pháp quảng đại tinh thâm. Tôi chỉ tin và không nghĩ.

TRẦN ĐỘC-TÚ (*Trung-Hoa*)

Trả lời

CÂU HỎI CỦA Q.H. (một nữ sinh viên trường Y khoa)

L.T.S.— Theo lời Thầy Thích Minh Châu, chúng tôi đã
bày nầy vào Liên Hoa, đề cống hiến quý độc giả, có những
thắc mắc như cô Q. H.

Câu hỏi. — *Có vị Giáo-sư nói:*
Đạo Phật là một triết-lý cao siêu
có một vỗ trụ quan đẹp để nên đã
thu hút một số thanh niên đang
đi tìm cái đẹp, nhưng đạo Phật
chỉ đưa đến ướm thế và làm cho
quốc gia suy yếu thôi, vì lẽ đạo
Phật chủ trương diệt dục, nếu thế
con người không còn mong muốn
gì nữa, lẽ cố nhiên là đờ khờ,
nhiều cũng vì không mong muốn
gì nên không ai muốn hoạt động
phát minh và như thế chỉ đưa quốc
gia đến chỗ diệt vong thôi.»

Trả lời. — Cô Q.H. nói: cô Q.H.
cũng thấy ý kiến ấy có phần hữu lý,
nên cô Q. H. không biết trả lời sao
cả. Tuy thế cô Q. H. cũng cứ tin
mình chưa hiểu đạo cho thấu đáo chứ
không tin đạo Phật đưa người đến
chỗ suy yếu».

Câu hỏi và sự băn khoăn của cô
có thè nói cũng là câu hỏi và sự băn
khoăn của các thanh niên khác đang
ở trong một tình cảnh như cô, chúng
tôi mong trả lời cho cô túc cũng
trả lời chung cho các thanh niên khác
đang ở trong một tình trạng như cô vậy.

Sự hiểu lầm cho đạo Phật là
yếu thê và đưa quốc-gia đến chỗ
suy vong phần lớn do hai sự hiểu
lầm: thứ nhất là hiểu lầm hai
phương diện triết-lý và luân-lý của
đạo Phật, thứ hai là sự phân định
sai lầm phạm vi thế gian và xuất
thế gian.

Nói đạo Phật chủ trương diệt
dục, là đúng về phương diện hay
địa hạt luân lý, lẽ dĩ nhiên đạo
Phật chủ trương diệt dục, nhưng
thuyết diệt dục của đạo Phật là sự
ứng dụng của một thái độ thuần
triết-lý hơn. Khi đức Phật ở trong
cung điện, về tài sản, Ngài giàu
có sung túc đến bậc nhứt, về dục
lạc sắc đẹp Ngài được hưởng đầy
đủ, danh vọng không ai có thể sánh
bằng Ngài, nhưng Ngài nhận được
răng tài, sắc, danh không thể đem
lại chán hạnh phúc cho người. Điểm
này, dầu cô Q. H. mới lớn lên
chưa kinh nghiệm nhiều, nhưng linh
tinh phụ nữ của cô Q. H. cũng
cho cô Q. H. thấy rằng kinh
nghiệm của đức Phật là phải. Ngà

ra ngoài cửa thành, lại nhận thêm được rằng sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ. Những điểm này linh tính phụ nữ của cô Q H. cũng phải công nhận sự nhận xét hay trực nghiệm của đức Phật là phải. Cứ chỉ xuất gia của Ngài có thể xem là một sự từ bỏ những gì người đời cho cao đẹp nhất, để đi tìm những nguyên nhân và phương pháp đã tạo ra đề diệt trừ những nguyên nhân đau khổ ấy.

Thái độ thuần triết lý của đức Phật đó, một thái độ đã đánh giá lại những gì người đời cho là quý báu nhất, thái độ đó không phải là một thái độ luân lý, không phải là một thái độ nhu nhược, và không để gì người đời theo nỗi, lẽ dĩ nhiên ở trên một căn bản không phải nhu nhược, một căn bản phi phàm thoát ngoài ước lượng nhỏ bé của loài người, dựa trên căn bản ấy, không thể lấy lý do gì nói đạo Phật đưa người đến chỗ hèn yếu suy nhược cả. Tất cả khổ đau gây ra, tất cả tội ác của loài người, những thảm cảnh chiến tranh hiện tại gây nên khiến loài người cãi xé tàn giết lấn nhau, cũng đều do lòng tham tiền, danh sắc gây ra cả. Đิ thêm một bước nữa, trước nỗi khổ của nhơn loại, đức Phật đã tìm được nguyên nhân, chính là ái và thù, nhưng ái và thù sở dĩ có là vì vô minh, tức là mê lầm nghĩa là đánh giá sai lạc những sự vật ở đời. Nếu nói đến một cuộc cách mạng tinh thần thì không có cuộc cách mạng nào vĩ đại bằng cuộc cách mạng của đức Phật đã tìm được ở dưới gốc cây Bồ-

Đề. Và một cuộc cách mạng như vậy không thể nào làm suy yếu một ai chân thành và sáng suốt theo đạo Phật được. Ở đây tôi cần giải rõ thêm một vài điểm.

Có hai tánh ánh hưởng chí phổi nhiều hành động con người: một là tham, hai là sân. Tham (đứng hiều theo nghĩa luân lý), chỉ có nghĩa là ôm giữ những gì mình tham, sân (đứng hiều theo nghĩa luân lý), chỉ có nghĩa là quăng bỏ những gì mình ghét, ôm giữ và quăng bỏ suông thì không hại gì lâm, nhưng chính vì ôm giữ, ôm giữ không được là khổ, ôm giữ rồi sợ bị mất cũng là khổ v.v... quăng bỏ, nhưng quăng bỏ không được cũng khổ. Đức Phật tìm thấy sở dĩ toàn người ôm giữ và quăng ghét là do chấp ở một tự ngã, có ưa có ghét, nên đức Phật với sự sáng suốt của Ngài dạy thuyết vô ngã, thuyết vô ngã tự nó không có nghĩa gì luân lý, không có nghĩa không hoạt động, không làm gì để có thể hiều lầm là yểm thế hay nhu nhược, mà chỉ là một cử chỉ thuần triết lý cũng một thề thức trên. Ở đây chỉ là một sự đánh giá lại một sự thay đổi quan niệm, từ một trung tâm vị ngã đến một trung tâm vô ngã, và khi mức độ nhận hiểu này tiến đến một địa vị khá cao, thì mọi cử chỉ đều thoát khỏi tham và sân một cách diệu kỳ. Trong khi mọi hành động của loài người quay quần xung quanh cái Ngã, mà chỉ đức Phật một mình xướng lên thuyết «vô ngã» thời thái độ ấy không thể gì gọi là nhu nhược. Và cứ chỉ ấy, phải hiểu là rất ít có nghĩa luân lý. Ở thế

ói này, loài người xâu xé nhau
vì cái ngã ấy, và khi đức Phật
ý thuyết vô ngã, chính Phật muốn
rất trừ mầm mống những nản
inh đào khò nào ở trên đời này.
Cứ chỉ ấy không thể dựa vào diêm
ào để chỉ trích đạo Phật làm suy
đuôi nhơn loại được. Lấy thêm một
í dụ nữa, đức Phật thấy hận thù
hòng thể diệt hận thù, chỉ do lòng
tương mới diệt trừ hận thù; do
ó, chỗ nào đức Phật cũng khuyên
nhà thà thứ và khoan hồng đối với
é thù của mình. Thái độ của đức
Phật là kết quả của một sự trực
ghiệm về tâm lý của chúng sanh
à nhận hiều tâm lý ấy, đức Phật
hủ thương hạnh từ bi đối với toàn
hè chúng sanh. Cứ chỉ ấy không có
lý yếu dối, không dễ gì người thường
ám nỗi, trái lại thật là một cử chỉ
ao thương và đẹp đẽ, và điều đáng
hú ý, chỉ cứ chỉ ấy mới cứu vớt
lòng cái thảm họa chiến tranh hiện
nay đè nặng trên toàn thế nhơn loại.

Với những ví dụ cắt nghĩa trên,
ô Q. H. cũng thấy không thểvin
rào đâu để buộc tội đạo Phật làm suy
đuôi con người. Nhưng càng xa thời
lúc Phật, thái độ thuần trí huệ
huân triết-lý ấy của đức Phật bị bỏ
quên dần, và giá trị luân lý được
chú trọng đặc biệt. Do đó mới có
những thái độ vì trốn khò men đi
u hành, vì muốn sống một đời nhàn
nã nên mới xuất gia, vì muốn được
phước nên phải làm các hạnh từ
hiện, vì sợ tội nên giới v.v... từ
một cử chỉ hùng lực dựa trên nền
tảng lý trí tuyệt luân rơi xuống một
cử chỉ nhút nhát sợ hãi, thật khác

xa bằng trời bằng vực, và phần lớn
chính vì đó nên mới có những chỉ
trích nói trên. Ở đây tôi cũng nhấn
mạnh không phải tôi công kích luận
lý đạo Phật, năm giới đức Phật dạy
vẫn có giá trị tuyệt đối và bắt hủ,
nhưng tôi muốn nhấn mạnh sự sai
khác của một người giữ giới sát sanh
vì lòng từ bi thương xót chúng sanh
vì muốn cứu khò chúng sanh, và một
người cũng giữ giới sát sanh vì sợ
tội, vì sợ khò, cũng một eù chỉ
nhưng hai tâm niệm hoàn toàn sai
khác, và do đó giá trị sự giữ giới
cũng hoàn toàn không giống nhau.

Nay qua phần thứ hai, cô Q.
H. nói: vì giáo sư ấy lấy ví dụ
những vị sư Cao-Môn không làm việc
chỉ di khất thực, thời làm sao nước
mạnh được. Ở đây cần phải hiểu
lại nghĩa của chữ xuất gia và nghĩa
xuất thế gian trong đạo Phật. Đạo
Phật có chú trọng về nghĩa xuất thế
gian, nghĩa là về phương pháp giải
thoát sự đau khò sanh tử. Đúng
về phương diện xuất thế gian
này, những người xuất gia là những
người thoát ly phạm vi gia đình,
quốc gia và chủng tộc; thời dĩ
nhiên không thể cuộc hạn phạm vi
của những người này với sự hung
vong lợi hại cho một nước được.
Hành xuất gia là một hạnh hoàn toàn
xuất thế gian, người xuất gia thoát
ngoài nhiệm vụ của một người trong
gia đình, của một công dân trong
nước, thời làm sao lại bắt buộc
những người xuất gia phải làm những
phần việc của người công dân, và
do đó chỉ trích rằng hạnh xuất gia
có hại đến thịnh vượng chung một

quốc gia, của một xứ sở. Hạnh khát thực chỉ là một cách sinh sống để người xuất gia giữ gìn mạch sống tu hành, vì nếu người xuất gia còn phải theo đuổi các nghề sinh sống thì còn thì giờ đâu để tu hành, và nhiều khi chính vì mải lo sinh sống mà người xuất gia không thể tu hành được. Còn bắt buộc các người xuất gia cũng phải có những bồn phận như người công dân khác thì tự nhiên người xuất gia ấy không thể thi hành đầy đủ sứ mệnh xuất gia của mình được. Ở đây là một vấn đề thỏa thuận giữa người đời và người xuất gia, người xuất gia có sứ mệnh học đạo truyền đạo, người đời có bồn phận cung đường người xuất gia vừa đủ sống để học đạo tu hành. Ngày mà người đời không công nhận mình có bồn phận phải cung đường người xuất gia, thời tự nhiên thiểu người xuất gia chân chánh học đạo, kết quả dĩ nhiên là vậy. Ở đây tôi muốn nói đến những hạng xuất gia hiền được bồn phận xuất thế của mình, hiền được thái độ thuần triết lý hùng lực của đức Phật đối với mọi vấn đề ở đời. Nhưng việc gì vào trong tay con người cũng xa dần ý nghĩa thuần túy cao đẹp của đức Phật thời xưa. Ngày nay có nhiều nước, dân chúng nó nứa xuất gia, xuất gia vì mong được an nhàn, xuất gia vì mong được sống đờ khờ, được người ta cung đường khỏi làm việc, xuất gia để người ta cung kính, xuất gia để người ta già con gái cho, vì nếu không xuất gia trong một hạn kỳ, cha mẹ sẽ không già con cho, như một vài nước có tục lệ như vậy. Lẽ

dĩ nhiên dần dần chơn nghĩa xuất gia mất đi, và chỉ có sự tưởng xuất gia tồn tại. Và cũng vì vậy mới xảy ra những công kích đạo Phật làm suy yếu con người. So sánh với cử chỉ đại hùng đại lực của đức Phật với những cử chỉ trốn thoát nợ đời của những Phật tử, chúng ta có thể nhận chán được sự sai khác quá rõ rệt. Và cũng hiểu vì sao những lời công kích chỉ đúng một phần nào khi ứng dụng với những sự hiểu lầm đạo Phật, hơn là đúng với chân tinh thần của đạo Phật.

Loài người hiện tại, văn minh lên đến trình độ gần cực điểm, nhưng nổi khò của nhơn loại chưa giải quyết, chiến tranh vẫn thường tiếp diễn và với những vũ khí mới được phát minh, loài người gần nám trong tay nhưng phương tiện để tiêu diệt nhơn loại. Một vị Tu sĩ người Pháp đã khéo lấy ví dụ tả thực trạng hiện tại của khoa học là đã tạo cho loài người là : một ghế bành tô (fauteuil) rất êm đê loài người dùng, cũng như đặt luôn một quả mìn ở dưới ghế ấy. Loài người có sáng suốt để dùng trên vực thẳm hiện tại không, đó do con người tự giải quyết trả lời thôi. Nhưng nguyên nhân chính cũng không ra ngoài ba điều tham-sân-si mà đức Phật đã chỉ dạy từ trước đến nay. Hiện nay một số đông thức giả, học giả và nhiều chính trị gia cũng nhận thấy rằng chỉ có đạo Phật mới có hy vọng đặc dấn loài người ra khỏi sự tự diệt vong, do loài người gây nên.

Nhơn loại có sáng suốt quay về
ai với đạo Phật hay không? các
hàng Phật-tử có hiểu lại chơn giá
trí của đạo Phật hay không? đó
là vấn đề nhơn loại; và Phật-tử tự
trả lời cho mình hơn ai hết.
Nhưng một điều rất rõ ràng, là
những ai chơn thành theo đúng
giáo lý và chân tinh thần của đạo
Phật, thời tự thấy ngay ảnh hưởng
giải thoát của đạo Phật đem đến
cho mình, và điều quý hơn nữa,
đạo Phật với ánh sáng nhiệm mầu
của Chánh pháp, thay đổi dần vũ
trụ quan và nhân sinh quan của
mình, và đem về cho Phật-tử một
niềm vui tươi sáng suốt mòi lạ.

Chúng ta cũng thường nhận thấy
đạo Phật hay bị công kích
nhiều, khi không vì những khuyết
diểm mà chính vì sự sáng suốt của
đạo Phật. Một khi có những tôn
giáo hay chủ nghĩa chú trọng
về cuồng tín hoặc bạo động
dè lôi cuốn tín đồ và thực hiện
mục đích của mình, lẽ dĩ nhiên

phải công kích đạo Phật. Và trong
sự công kích phải những gì xuyên
tạc, những ứng dụng sai lầm của
Phật-tử của tín đồ mà công
kích đạo Phật thôi, chứ giáo
lý căn bản và vũ trụ quan cùng
nhân sinh quan của đạo Phật, họ
không dám động đến.

Hiện tại điều cần nhất, là các
Phật-tử phải tự tìm lại ý nghĩa
cùng chơn tinh thần đạo-Phật, và
thiết thực ứng dụng chơn tinh thần
ấy trong mọi ngành hoạt động của
mình. Một khi người Phật-tử đã
sống hoạt động, hùng mạnh, làm
tất cả việc đáng làm, tự tỏ thêm
hiều chơn tinh thần hùng lực của đạo
Phật, ứng dụng chơn tinh thần ấy
trong mọi hoạt động của mình, thì
người đời không thể lấy gì mà
công kích đạo Phật được. Đó là
một nhiệm vụ chung, toàn thể Phật
tử có bồn phận phục vụ.

Thích MINH-CHÂU

HỘP THƠ

Tòa soạn vừa nhận được 2 bài Tiếng Chuông
Ngân, và Tiếng Chuông Thức Tỉnh của ông Phước-
Nhân. Xin đa tạ chúng tôi đang xem sẽ đăng các
số tới. Mong ông tiếp tục gởi đến.

con muỗi

bạn thân của chúng ta trong đêm khuya

Cô ĐOAN - HẠNH

CON muỗi, bạn thân của chúng ta trong đêm khuya !

Tôi không còn nhớ tôi bắt đầu có ý dứt bỏ cái tật đập muỗi từ bao giờ. Chỉ biết rằng, tuy muốn lập đường đánh muỗi nhưng có đôi lần tôi quên đứt đi, mỗi khi quá tức giận lũ «chúng sanh» bé nhỏ ấy. Không lúc làm sao được? Cứ đêm đến, thắp đèn lên học là y như chúng rủ nhau kéo đèn mà hành hạ chúng tôi. Đêm thì khuya, trời thì rét như cắt mà bài lại nhiều. Nói dại, có đêm ngồi trước chồng sách vở ngắt ngưỡng như đống xương «vô định» ấy tôi bỗng muốn chết đi cho rảnh nợ đời. Nhìn quanh, thấy mấy bức màn ấm cúng buông rủ xuống chở che cho bầy em tôi đang say giấc, tôi thèm thuồng lạ. Sao tôi lại chẳng được bé nhỏ như chúng để được ngủ ấm áp kia? Chao ôi! Có sống những phút như bấy giờ mới thấy rõ đời thiệt là bẽ khẽ. Ấy thế mà nào tôi có được yên thân để nghiên ngẫm nỗi khẽ ấy cho cam! Thôi thì các «cu cậu» cứ vỗ vỗ, ve ve chán lại châm vào má, vào cằm, vào trán, vào tay tôi những mũi kim độc địa. Ngán hơa nỗi, có kẻ lại chui tuột vào tai, vào mũi tôi mà tung hoành đầy dưa! Những lúc ấy thì Phật tâm của tôi in tuồng tiêu tán đâu mất cả. Tôi đứng dậy, tức bức đến cực điểm, vung tay muốn giật hết lũ muỗi khốn nạn. «Chỉ tại chúng că! Tôi nghiên răng

ngồi thầm, tại chúng, mình mới có lúc phải bỏ dở cả bài
âm, bài học mà đi ngủ. Bùi vở đã chả có thứ vị gì, đêm
hì lạnh, mình thì buồn ngủ, lại thêm lũ quỷ nầy đến báo
rách sao mình chẳng phải đầu hàng trước sức quyến rũ
của nệm ấm chăn êm! Minh mà có thi hỏng thì cũng chỉ
ai cái lũ này!» Càng nghĩ càng thêm tức, tôi mất hết că
y chử. Tôi tự dập vào trán, vào má, vào cằm, để giết muỗi
nà có cu cậu lại «cả gan» đậu bừa và châm một cái nhứt
buốt vào cả cái tay tôi đang vung vẩy... Tôi lại lấy tay trái
lánh vào tay phải cố giết bằng được con muỗi đang châm
ôi. Nhưng than ôi! Tôi chỉ càng thêm đau. Những chỗ
đi muỗi châm lại bị tay tôi bồi thêm một phát. Rút cục chỉ
có thân tôi là đau đớn. Tự nhiên tôi xem muỗi không chỉ
là một con vật, nó là một kẻ thù thật sự. Nó đã là kẻ thù,
hãy đau là tôi đánh đó. Lòng sân làm tôi mù quáng, đôi
khi tôi đánh mạnh cả nắm tay xuống bàn mà chẳng chú muỗi
nào chết tốt. Tay tôi lại phải một lúc đau như giàn...

Ôi! Làm sao mà dập tắt ngay được ngọn lửa sần bùng
cháy trong địa-ngục của lòng tôi lúc đó. Sau ngọn lửa sần
bùng bùng ấy, lại đến lượt tàn tro nóng của tâm hối hận
âm ỷ cháy trong tim tôi. Nắm gác tay lên trán, tưởng đến
Đức Phật, tôi hổ thẹn quá. « Ngọn lửa sần đốt cháy cả một
thành trì công đức! » Mà nguyên nhân của ngọn lửa ấy là
chi? Chỉ là một con muỗi! Chao ôi! Tôi yếu hèn đến thế
kia ư? Chỉ một con muỗi nhỏ mọn dù giết hại cả một đời
sống tinh thần của tôi sao? Nghĩ thế, tôi buồn bã lạ. Tôi
niệm Phật, niệm Phật thiệt nhiều, tha thiết cầu xin Ngài hãy
nhớ mà hiện đến trong tâm hồn tôi những lúc đó. Tôi thành
kinh đọc bài kinh sám-hối vì đã lờ sòn si. Nhưng sau đó,
những tia nghi ngờ cứ lảng vảng trong đầu tôi... Tôi thấy con
người bất lực quá, tôi không mong có thể trừ bỏ thói xấu
ấy trong sớm chiều.

Thế mà cái đêm ấy... Ai ngờ bài học tôi dạy cháu tôi
lại có hiệu quả cho tôi nhiều đến thế. Đêm ấy, trời cũng
rét như mọi đêm và tôi lại dự định thức khuya hơn đêm

nào cả, để soạn bài tôi phải thuyết trình ngày mai về thi sĩ Tân Đà. Ôi ! Cái đề tài thích hợp với tôi biết mấy ! Chán hòà là thi vị !... Tôi phải thức khuya, nhưng tôi không buồn ngủ tí nào vì được làm một công việc hợp với sở thích. Lòng tôi thư thái quá... Tôi tưởng chừng khêng mảnh lực gì có thể phá hoại cảnh Niết-bàn trong tâm hồn tôi lúc bấy giờ... Ấy thế mà ngồi đối diện với tôi, cháu tôi nó cứ vừa học Sứ-địa vừa ngủ gà, ngủ gật, rồi nhăn nhó hé lèn mỗi khi bị muỗi châm phảm. Tôi trông mặt cháu bấy giờ xấu xí lạ thường, và tôi thương hại cháu quá. Trong người lại ngầm đến ta... Tôi nhớ lại mấy đêm trước kia, chắc mặt mũi tôi cũng phải nhăn nhó xấu xí như cháu tôi bấy giờ, và ngọn lửa sân phan phạt trong lòng tôi đêm kia thì giờ đây chắc cũng đang hành hành trong tâm hồn cháu. Phải rồi ! Niết-bàn, Địa-ngục là đây...

Cháu tôi bực tức, đứng dậy vung tay đập chết hết các con muỗi đang bay trong không... Tôi bỗng nhiên thấy thương chúng vô cùng. Chờ cháu ngồi xuống tôi dìu dặn khuyên bảo cháu : — « Cháu ơi ! Sao cháu lại nỡ làm hại đến cả mạng sống của những con vật chỉ làm đau cháu chút đỉnh thôi ? Một tiếng vo ve của chúng làm tai cháu khó chịu ; chúng phải đến bù tội lõi nhỏ ấy bằng cả một mạng sống ! Cháu có thấy tội nghiệp chúng không ? Và cháu có thấy rằng chúng ta bắt công quá không ? Dừng nèn, cháu à. Cháu giết con này để ngăn con khác khỏi tới quấy cháu chăng ? Cháu làm rồi. Chúng nó phải như ta đau, biết trước nguy hiểm để mà tránh ! Xua chúng đi, đừng giết chúng mà tội nghiệp, cháu nhé !

Cháu tôi là người biết phục thiện, cháu nghe lời tôi và không giết muỗi nữa. Nhưng mỗi lần bị muỗi vo ve bên tai hay châm phảm cháu, cháu không khỏi nhăn nhó mặt và đuổi mạnh tay qua. Tôi mỉm cười bảo cháu : — « Nay, cháu hãy lấy gương mà soi trong mặt cháu nhăn nhó xấu xí lắm, cháu à ! Cháu trông dày, cô cũng bị muỗi như cháu, nhưng cô vui vẻ và bởi thế nay giờ cô làm được khỏi công việc. Còn cháu, cháu cứ nhăn nhó với ba con muỗi, cháu có thuộc

lược trang súp nào đâu ! Phải biết tha thứ, cháu ạ ! Có tha hứ, làm hồn mình mới khoan khoái và mình mới làm việc lược dễ dàng. Từ rày đuổi muỗi, cháu đừng nhăn mặt nữa, cháu nhé ! Cháu cười đi, cháu sẽ thấy thương chúng lắm. Cháu xem ! Có ai thức với chúng mình đâu, ngoài mấy con nuỗi ! Vậy thì chúng là bạn của mình rồi còn gì ! Ngày xưa cái ông gì đó cứ ngủ gật trong khi học, ông tựe mình cầm sẵn cái cuộn, hễ mỗi lần ngủ gật là ông tự đâm grom vào đùi cho mình đau đớn mà sáng mắt ra... Giờ mình cũng hể, có tiếng kêu của con muỗi nó thức tĩnh mình, cái nọc bỏ châm vào mặt cho mình khỏi ngủ gật chứ sao ! Biết ơn chúng đi cháu !! ».

— Cháu tôi bật cười với câu nói ngộ nghĩnh. Rồi cháu vui vẻ cất tiếng học lớn : không nhăn mặt khi xua muỗi nữa.

... Tôi xuýt xoa vì vừa bị chú muỗi châm một cái nhứt buốt vào bên má. Cháu tôi ngừng học, ý chàng đè nhìn xem mặt tôi có nhăn không. Muốn tỏ ra với cháu là tôi không bức bối chút nào, tôi liền đứng dậy vươn vai, nhìn vào cửa kính vui vẻ bảo cháu : — « Cháu nhìn xem bóng của chúng ta bên ngoài cửa kính... » Rồi tôi khoan khoái ngâm mấy câu thơ Tân-Đà :

Bóng ơi, mời bóng vào nhà
Ngọn đèn khêu tỏ đôi ta cùng ngồi
Ngồi đây ta nói sự đời,
Ta ngồi ta nói bóng ngồi bóng nghe...

Và từ đấy, tôi chẳng bao giờ đánh muỗi mà cũng chẳng bức mình vì muỗi nữa. Và tôi xem như đó là một chuyện dĩ nhiên. Những đêm mà lòng tôi đầy bức bối sầu si như bể lửa ấy, đối với tôi bây giờ xa xăm như thuộc về kiếp trước. Mỗi lần bị muỗi châm là tai tôi nghe lại những lời tôi khuyên cháu, mắt tôi thấy lại cái nhìn « kiểm duyệt » của cháu ; và tôi không sầu si nữa...

Võ tình tôi đã thực hành lời khuyên của một nhà triết học phương Tây :

« Hãy khởi sự làm những gì ta thường khuyên bảo kẻ khác ».

LỄ PHẬT

SANG XUÂN

Kính dâng Hương-hòn Thân phụ
Người đã luôn luôn khóc vì các con

Lễ Phật, xin dâng một tấm lòng
Nén hương... thề nguyện có non sông...
Tam-quí ngũ giái thân hằng giữ
Vạn vật vô thường có cúng không ??



Tấm thân tú đạt nghĩa gì đâu?
Giáo lý cao thâm, phép nhiệm mầu...
Phật-Pháp con nguyên tu-tập để
Đáp đền Tam-Bảo nghĩa ơn sâu?



Hè tiếng chuông ngắn dại Phật-dương...
Tâm-kinh cầu nguyện nực cành dương...
Rứt lên nhân loại mẫn An-Lạc,
Hoan-hỷ hôm nay đụng cảng dương.

TRẦN - VĂN
(Cố-dâ 1957)

Tình thương và cừu hận

L.T.S.— Đây là một chuyện tiền thân của Phật Thích. Ça do chính Ngài kè lại, Trưởng-thọ-vương chính là đức Phật, Trưởng sanh Thái-tử là A-nan đệ tử yêu quý của Phật, còn Phiên vương là Đề-Bà Đạt-Đa.

TRƯỜNG-THỌ vương ngước nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba-Diệp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa. Chắc quân thù đã hạ trại, khi chiều, ở dối bên kia.

Ngày mai!... Vâng ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vẩy máu, hổ kia ngập xác người, máu thăm đất cày đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe chi những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?

Càng nghĩ, Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn vắng vắng.

— Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh.

Vương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trưởng-Thọ Vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn đe ti nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiên vương một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ, biết tình làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là người giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mối mắt chờ chồng và những em bé ngày thơ, ôi! chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đói lạnh?

Mà đề làm chi nếu không phải
bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý ?
Vương lắc đầu chán ngán : « Không
thể được, ta không thèm cái của
phù huỷ đó. Các người cứ việc giành
nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân
loại hơn, đạo đức hơn ».

Vương đứng dậy, mắt sáng ngời
quyết định. Ngài bước lẩn về phía
hậu cung : phòng Thái tử vẫn còn
ánh sáng. Qua những phòng cung
ngã, Vương khẽ thở dài khi nhìn
họ đang mệt mệt ngủ. Họ đâu biết
ngày mai sẽ có sự đổi chủ thay thế.

Đây là phòng Thái tử Trường-Sanh. Thái tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lòe bên cạnh. Dứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà vua từ ngày hoàng hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một cử chỉ vô cùng thương mến: Thái tử chợt tỉnh, ngạc ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con :

— Con ơi, Phiên vương kéo quân
đến cướp ngôi báu. Cha không muốn
chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà
nhân dân hai nước phải khổ đau.
Hãy nhường ngai vàng cho họ,
cha con ta lên rùng tìm đạo !

Thái tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh
biếc bóng xe tròn hãi hùng lè ngọc.
Chàng nắm lấy tay cha như tìm
người an ủi. Thái tử nay vĩnh biệt
hoàng cung !...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có
hai người dắt nhau vào núi.



Thế rồi dưới gốc cây già, Trường-
Thọ vương cùng con tu luyện. Ồn
ào của nhân thế chỉ còn vắng lặng
phía bên kia dời. Bụi đời mờ mịt
nhân gian đã lắng yên trong người
tu ân. Thái tử thường vào rừng
hái hoa quả cung dưỡng cha.

Hôm ấy chàng đi vắng. Trường-
Thọ vương thuyền định một mình.
Bỗng vương giật mình vì một tiếng
reo vui. « A ! chính vua đây rồi ! »...
Một người ốm o hiện ra từ lùm
dứa lại. Y nói :

— Kinh thành đã bị chiếm. Một
số trung thần tử tiết. Phần lớn trở
về vui thú diễn viên. Phiên vương
ra lệnh tẩm n้ำ ngài rất dữ. Dân nhân
rất nhọc nhằn không hiều cái họa
ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy
không, tôi đã đi khắp nơi trong
nước. Hôm nay tình cờ được gặp,
còn chi vui sướng bằng.

Vương hỏi như rên lên vì đau
đớn.

— Vì ta trốn, dân phải nhọc
nhằn dày dặn ?

— Vàng, Phiên vương đã tra
khảo đánh đập biết bao nhiêu người
vì nghi họ chúa ngài. Phiên vương
còn treo giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường-Thọ :

— Ngài hãy theo tôi về triều đế
tôi nạp lấy thường.

Vương rầy mạnh, tên tay sai của
Phiên-Vương gần ngã dụi. Nhưng

trong nghĩ : « không lẽ ta đề cho
tín chúng phải đọa dày ? Ta đã
quyền hy sinh tất cả đề cứu đời.
là thân mạn này rồi cũng có
gây tan rã. Phải cứu lấy nhân
sinh ! ». Vương đến đề hai tay
võng vai người định bắt mình :

— Người à, nếu người bắt ta,
tán dàn đờ lo sợ, người có thể
ing sướng, ta nào tiếc chi.

Nhớ đến con, vương khắc lèn
tàn cây già một giọng chữ : « cha
sẽ bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở
i tiếp tục tìm đạo ». Rồi nắm lấy
y y, Vương thúc dục : « thôi ta
i ! ... »

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng
lá nhà vua khi hắn chưa quan
tâm nổi những con người xả thân
ru thề. Những con chim rừng
vường hót líu lo chúc tụng đời
ác-ngộ nay reo gọi náo nề....



Trường-Sanh ôm giỗ hoa quả
ở về thì còn đâu Từ phụ ? Chàng
nhìn khắp nơi, gọi đến vang rừng
không một lời đáp lại. Tiếng
quy buồn hiu hiu. Tình cờ đọc
đồng chữ cha đề lại, chàng ôm
ặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo
như thế kia ư ? Dù ở rừng sâu
ai thăm, con người vẫn không
rợ sống yên lành ?

Theo đường cũ, chàng lẩn vè
nh thành Ba-Diệp. Chính hôm
sáu, Trường-Thọ vương bị đưa lên
tàn hỏa. Phiên-Vương đã đoán
nh khi xử tử một đẳng vua hiền.
tàn chúng bao nghẹt lấy dàn hỏa,

có những đôi mắt rơm rớm lệ.
Họ đã khóc, thương một mạng
sống lila đời, tiếc một người cầm
quyền dôn hậu.

Thái-tử len lỏi đến tận dàn hỏa.
Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết
đang có mình ở đây. Vừa lúc
ấy, lính châm lửa vào dàn. Lửa
bung bùng bốc. Những ngòi lửa đỏ
lòm lòm lò liếm quanh người Trường-
Thọ vương như đang còn ném thử.
Thái-tử bỗng giật nẩy mình : phụ
vương đã thấy mặt con. Mắt
Thái-tử như đồ đồng tử. Những
tia lửa trên dàn kia liệu có rực
đỏ bằng những tia lửa căm hờn
trong mắt chàng thiếu-niên ấy ?
Mỗi chàng mím lại, lúng báng một
tiếng hét bị dồn vào trong : « Cha
ơi ! con sẽ trả thù ! con phải trả
thù ! trả thù cho cha ! ».

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường-
Thọ vương muốn nói với con đôi
lời trăn trối. Người ngửa mặt lên
trời để tránh sự nghi kỵ của đám
tay sai Phiên-Vương. Người kêu
lớn :

— Trường-Sanh con ! Hãy tưới
tình thương và đức độ xuống hận
cửu. Đừng bao giờ dùng gươm
giáo đề trả lời gươm giáo. Hãy
sống cuộc đời Chư Phật, hỷ-xã
tử-bi...

Dàn lửa rừng rực, rừng rực.
Lửa như reo hát, múa men. Những
lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át
mặt. Thái-tử nhìn trân trối và đau
đớn vô cùng. Mắt cha hiền nhèn

chàng rồi nhảm lại. Mùi khét lại gì đặc sắc nữa không ?
đã bắt đầu lan xa...



Thái-tử ngắt đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thồ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chênh kiết những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để người ngoại tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiền trên dàn hỏa rừng rực cháy cứ hiện ra như thúc dục, tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ :

— Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết ! Giết !...

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái-tử đã quyết báo phụ thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba-Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gặp Phiên-Vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực, nuôi và cho chàng giữ vườn trồng rau. Vốn bất thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc gì khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường-Sanh thái-tử vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi thái-tử :

— Nay, nhà ngươi còn có tài

— Thưa đại quan, tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường-Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái-tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thâu phục lòng ham thích của Phiên-Vương. Quả nhiên, Phiên-Vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái-tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của vua và đã nhiều lần chàng tỏ rõ sự thông minh uyên bác của mình. Phiên-Vương rất mến phục và cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa, làm việc gì vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đến đâu, vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy, chàng phò vua đi săn. Mãi theo con mồi, vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thẳm. Kè ra thì Trường-Sanh cũng biết lối ra, nhưng chàng cố ý đưa vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẩn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái-tử deo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội đã đến. Trường-Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mệt dưới

mình. Tâm tư chàng thúc : « nó đã giết cha mày, chiếm sơn của mày ! Còn chờ gì mà không ra tay ?... » Chàng gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dùi hiền. Trường-Thọ vương trên dàn a. Tiếng nói của người như dội lại trong lòng chàng : con ơi ! Hãy trói tình thương đức độ xuống hận cừu. Đừng o giờ dùng gươm giáo đe trả i gươm giáo. Hãy sống cuộc đời như Phật, hỷ-xá, từ-bi... ». Ôi lời a còn đó, thái-tử có thể quên iảng ? Chàng run tay, thanh tóm bén lại hiền lành chui vào i. Vừa lúc Phiên-Vương thảng ốt thức dậy :

— Nay khanh, trẫm vừa mơ thấy ột người muốn giết trẫm.

— Muôn tâu Bệ Hạ, có lẽ hơi nh thăm vào người nên sinh ộng mị. Có hạ thần đứng đây ài mà dám bén mảng ?

Phiên-Vương yên tâm nằm xuống gủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát hiện lên trước mắt thái-tử. Tâm chàng lại thúc dục : « ... còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ nùi tể cho linh hồn cha ?... » Trường-Sanh cương quyết tuột ướm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt ju hiền, vẫn câu nói ngày xưa vắng iảng : « ... hãy sống cuộc đời Chu hật hỷ-xá từ-bi !... » trong tim ôn Trường-Sanh hai dòng nước gược dang ào ạt chảy : một dòng iận cừu đồ máu, một dòng đức lộ thơm ngọt sưa hiền. Giữa

ngả ba đường ấy biết về đâu ?

Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dặp của lòng, chàng hét lên tức bức :

— Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta vì lời dặn cha ta, ta sẵn sàng tha cho ngươi.

Tử bi đã thẳng hận cừu. Thanh gươm bây giờ không còn chui ra khỏi vỏ. Phiên vương tinh dậy ngoan :

— Khanh ơi, trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù. Khanh có biết là điểm gì không ?

Trường-Sanh trả lời trong nước mắt :

— Thưa ngài, con của vua nước này chính là tôi đây. Khi cha tôi bị ngài thiêu trên dàn hỏa có can dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương chư Phật sống cuộc đời hỷ-xá từ-bi. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết ngài nhưng lại thôi.

Phiên-vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy thái tử và nức nở :

— Thôi khanh hãy giết trẫm để báo phụ thù. Trẫm không muốn khanh phải khóc tâm hơn nữa.

Trường cảm xúc đáp :

— Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi !

Và cả hai yên lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời,

ánh bình minh le lói như ánh sáng từ bi vừa loé sáng trong lòng người. Ôi từ quang! từ quang! Từ quang đã dập tắt hận thù, chiếu sáng tâm hồn người dọa lạc. Từ quang ơi! hãy tuông chảy như suối thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trưởng-Thợ vương làm ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc ngài. Vua nói:

— Khanh ơi, đêm nay ta đã bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và thù hận đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn, Thái tử đặt vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng

lòng chờ đợi. Đêm rồi, nào ai biết vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:

— Các khanh có biết Thái tử con vua cũ nước này ở đâu không?

Rồi không đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái tử, cao giọng:

— Đây là ân nhau của ta, Trưởng-Sanh thái con vua cũ, tử, người đã vì hiểu quên thù. Nay các khanh, không có gì cao cả cho bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người... « Tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu »...

Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho thái tử. Công đức Trưởng-Thợ vương được tán tụng khắp nơi. Thái tử nổi chí cha, reo rắc Tử-Bì trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương...

HUYỀN - THANH

Giới thiệu sách :

TẬP PHẬT PHÁP. — Một tài liệu đầy đủ của các hàng Phật tử muốn nghiên cứu, tu học Giáo lý đạo Phật — Một chương trình học tập đầy đủ, mới mẻ của gia-dinh Phật tử, đã được Tông hội Phật-Giáo V.N. xuất bản năm 1951.

Nay mới tái bản Liên-Hoa xin hoan hỷ giới thiệu cùng quý độc-giả. Hiện có phát hành các nơi: Tăng học-đường Nha-trang, Phật học-đường Ẩn-quang Chợ-lớn, nhà kinh sách Liều-Quán 4 Gia-long Huế, chùa Từ-Đàm Huế. Mỗi tập 40\$00.

Chiêm Bai Phật Tích

tại **ẤN-ĐỘ**

THÍCH MINH-CHÂU

(tiếp theo số 12 năm 1956)

Ngồi càng lâu, càng cảm thấy thanh tịnh như tràn nhẹ vào tâm n bao trùm với cảnh vật. Và hơn bao giờ hết, chúng tôi ý rõ hạnh thanh tịnh cần nhất cho người tu-hành, thanh tịnh ng cảnh ồn ào náo nhiệt của thị-thành, giao thiệp hoằng áp học hỏi, thanh tịnh trong cảnh thanh tịnh của núi non, tu viện. Chúng tôi ngồi hơn một giờ, không ai buồn nói chuyện cùng ai, tôi chỗ ngồi trên lưng thành, hai bạn tôi, người xuống ngồi trong đá của Ngài A-Nan, người nằm sát gần một bên bức tường đong của đức Phật. Bốn cô sinh viên thì xuống hái bông, ặc nói chuyện nhỏ cùng nhau. Hơn 10 giờ, chúng tôi đến nh lễ cẩn phòng của đức Phật, rồi đến coi phòng nhỏ ở của Ngài Xá-Lợi Phất, xuống thăm hang của Ngài A-an và của Ngài Mục-Kiền-Liên. Xuống một vài tầng cấp, chúng tôi đến chỗ đức Phật bị Đè-Bà Đạt-Đa lăn hòn đá m ngón chân của Ngài bị thương rỉ máu, chúng tôi lại đến chỗ đức Phật nằm nghỉ sau khi bị thương, chỗ nào, bước nào, ng ghi dấu một vài thành tích liên hệ đến đời sống của đức ứ-Phụ. Xuống đến chân núi, chúng tôi từ biệt các cô sinh ên vì chúng tôi còn đi thăm các chỗ khác, các cô cho chúng i địa chỉ ở Calcutta, và dặn thê nào lúc về đến Calcutta ng đến thăm nhà các cô ấy. Chúng tôi hoan hỷ nhận lời.

Rồi chúng tôi rẽ qua đường khác để đến tại ngôi tháp cũ gọi là Maniyar Math. (Về núi Linh Thúu, xin xem phần lịch sử của thành Vương Xá, trong những chương sau, về đoạn dịch tập ký sự của Ngài Huyền-Trang).

2) *Ngôi tháp cũ gọi là Maniyar Math*

Chính giữa thung lũng và về phía tây con đường chính có một ngọn tháp và một vài ngôi đền nhỏ, che dưới một mái bằng sát hình nón, gọi là Maniyar Math. Đào sâu xuống, là hình một ngọn tháp đặc biệt, trong trống rỗng, và một vài hình vẽ trên tường ngoài. Xung quanh ngọn tháp, có những áng thờ. Không hiểu ngọn tháp và các áng thờ này dùng để làm gì, có người cho đó là chỗ thờ rắn Nagi, vì có đào được một tượng rắn năm mai, rắn này xưa được xem là thần hộ trì cho thành Vương - Xá.

3) *Nhà tù của vua Bimbisara (Tăn-bà-ta-la)*

Gần Maniyar Math, trên đường đi núi Linh Thúu, có một chỗ có một bức thành bằng đá 6 feet dày. Chỗ này được xem là Vua A-xà-Thế, giam vua cha là Bimbisara, cho đến chết. Tại ngôi nhà tù này, vua Bimbisara trong khi bị giam được xem là có thấy đức Phật đi lại trên ngọn núi Linh-Thúu và nhờ vậy đỡ được đau khổ nhiều, tại ngôi nhà tù này có thể thấy được núi Linh-Thúu. Và người ta có đào được một vòng sắt để trói người tù, nhì vây có thể biết chắc chỗ này là nhà tù của vua Bimbisara vậy.

4) *Pippala ngôi nhà đá*

Phía đông ngọn đồi Vebhara, gần suối nước nóng, có một ngôi kiến trúc bằng đá, hơi lợp được xem là hang Pippalaghu trong kinh điển Pali có nói đến. Ngôi nhà này cao từ 22 đến 28 Jeet, dài 85, rộng 81 feet. Kiểu hình không phải là một ngọn tháp, có lẽ là một nhà gác, nhưng vì tiện lợi nên về sau các vị Sư dùng làm chỗ ở để tu thuyền định và dần dần được gọi là hang Pippalaghu. Còn động của Ngài Ca-

khi đau bệnh được đức Phật đến cứu chữa có lỗ ở sau gáy này, nhưng nay bị lắp cả. Ngôi nhà này mới được sửa nên xem mới lắm, có lang can chạy dài xung quanh, và ở trong xuống, thấy cả thành Vương-Xá.

5) Sattapanni : Kỳ xà quật

Hang này chưa được rõ đích xác là chỗ nào. Có hai thuyết :
- Một của ông Sir Aurel Stein cho là 4 động về phía ngoài Vebhara, từ ngôi đền Jain đi xuống. Con ông Jhon Mara-
cho là chỗ xa hơn về phía bắc, tại đó hiện có một nhà
đá nay đã nát được tìm thấy. Cả hai thuyết đều được tôn
g vì hai vị này đều là những nhà khảo cổ trú danh. Chúng
đi đến chỗ 4 động, được ông Stein xem là hang Kỳ-xà-quật.
chỉ là bốn động nhỏ, không sâu lắm, đi vào tối và gập ghẽn,
lầm là chứa độ 40 người là cùng, nhưng phía ngoài, có đá lởm
m bồ nhoài xuống, có người nói động ấy trược rộng ra
phía ngoài, nhưng nay bị đổ sập xuống, thành ngó nhỏ như
Dầu có thật vậy, chúng tôi nhìn hang động ấy, cũng không
tưng ý chút nào, và không thể tin được xưa kia có đến
g trăm hàng ngàn vị Tăng đến kiết tập kinh diền. Nhưng
g về phía trong, lởm chởm những đá, chúng rõ không có
ời ở, lại thấp và hẹp không thể nào đủ không khí để thở, dầu
các vị Kiết tập đều được xem đã chứng quả A-La-Hán
thần thông tự tại.

6) Suối nước nóng : Tapoha Nadi

Những suối nước nóng này được xem là có từ đời đức
Buddha tại thế, và đức Phật nhiều lần có nói đến trong những
những câu Ngài. Đức Phật cũng được xem là thỉnh thoảng có
tắm tại những suối ấy. Xưa kia có một ngôi chùa gọi là
podā monastery gần những suối nước này. Như tôi đã nói
trước, tôi đến tắm tại hồ tắm của Hồi-Giáo. Còn hồ tắm của
-Độ giáo thì lớn hơn, nhưng vì đông người quá thành
vì được sạch sẽ, sánh với hồ tắm Hồi-Giáo. Nước không
ng sôi, chỉ vừa tắm, nhất là mùa đông, dân chúng Ấn-Độ

đến tắm rất đông. Nhiều vị sư từ Nalanda, ngày nào cũng đến dãy tắm.

7) *Veluvanaramaya: Trúc-lâm-tinh-xá*

Hiện nay, cũng chưa chắc Trúc-lâm-tinh-xá, do vua Tân-bà Ta-La cũng hiến đức Phật hiện ở chỗ nào. Xưa kia cả vùng cây cổ mọc hoang dại, che kín cung khắp, chỉ mới được đào bới sửa sang một vài khoản nhỏ thôi. Hiện nay, chính phủ Ấn-Độ rào một khoản vuông khá rộng, gần chùa Nhựt Bồn, và xem đó là tinh-xá Trúc-Lâm. Khu vườn khá rộng, cây cối sửa sang trồng lại thẳng, có nhiều bụi tre về phía trong, nên vì vậy được gọi là Trúc-Lâm tinh-xá. Một hồ nước nhỏ gần đó, được xem là hồ nước Karandaka Ngài Huyền-Trang có nói đến. Ngài nói Trúc-Lâm tinh-xá cách cửa thành phía Bắc độ một dặm. Đề hiều vì sao gọi là Trúc-Lâm tinh-xá, vì rất nhiều khóm tre mọc khắp cả vùng này Đức Phật ở nhiều tháng tại ngôi chùa này, và sau đây là một vài bộ kinh được diễn giảng tại đây: Mahakassapa, Mahamogalla na va Mahacundabhojjhangas. Chính Ngài Mục-Kiều-Liên thề trước ngôi chùa Trúc-Lâm tinh-xá, và riêng đặc biệt Ngài được đức Phật chỉ cho một chỗ xây dựng một ngọn tháp để thờ Ngài.

Lịch sử Rajagriha (Vương-Xá thành)

Thành Vương-Xá là một thành cổ nhứt ở Ấn-Độ. Theo tập Ramayano, thành ấy do vua Vasu lập ra và đặt tên là Vasumati. Đến đời đức Phật được gọi là Vương-Xá vì rất nhiều cung điện được lập ra tại chỗ. Raja nghĩa là Vương. Griha dịch là Xá, tàu dịch là Vương-Xá. Thành này có tiếng khắp cả Ấn-Độ vì là kinh đô xứ Ma-kiết-Đà. Ngài Buddhaghosa chép thành này có đến 32 cửa chính và 64 cửa phụ, nhưng sau khi vua Ajatasatru (A-xà-thế) lập thành Pataliputra bên bờ sông Hằng, thì thành Vương-Xá mất dần địa vị quan trọng.

(Còn nữa)

TIN TỨC

TRONG NƯỚC

i-hội-dồng thường niên của
i-hội Tăng-Già Thừa-thiên.
i-hội-dồng cử hành vào ngày 20
ng giêng Đinh-dậu tại chùa Linh-
ng. Đến dự hội đồng có quý Hòa-
ng, đại đức và quý Thầy Tọa-
tại các chùa trong tỉnh ; đại diện
trí sự Giáo-hội Trung-phần,
diện Phật-học đường Trung phần
đại diện Ni-chéng. Đại hội khai
lúc 8 giờ sáng. Trước khi khai
quí Hòa-thượng chư đại đức
Ni vào lễ Phật, cầu nguyện,
đến phút tưởng niệm chư Tăng
cố có công đức với Giáo-hội,
Thầy Chánh-Trí-Sư Giáo-hội T.T.
diễn văn khai mạc, ban Trí-sự
h bày các Phật-sư Giáo-hội trong
qua, lời huấn thị của Thượng
a Trí-sự trưở g Giáo-hội Trung-
ân ; bầu ban Trí-sự mới và thảo
n các Phật-sư như : kiêm điền
ng số và Tự viện trong tỉnh, tóm
tương cá h nâng đỡ Phật-học-
òng đào tạo Tăng tài, phát triển
việc giảng dạy Phật pháp cho
và tín-dồ các nơi ; chỉnh đốn
thờ tự các chùa trong tỉnh
một vài chùa sự thờ phụng
phức tạp) và phát triển ngành
cứu tế Tăng Ni trong Giáo-
i v.v...

Hội nghị bế mạc vào lúc 5 giờ
chiều, đồng thanh tụng 4 Hoàng
thệ nguyện và lời kêu gọi của
Thầy Chánh Trí sự là : Chư tăng
trong tỉnh hãy noi gương các bậc
tiền bối tinh tấn học hỏi Phật pháp,
nghiêm trì giới luật của Phật dạy,
tích cực trong việc hoằng-pháp để
xứng đáng danh nghĩa Tam-Bảo.

Sau đây là thành phần ban Trí
sự mới :

Chánh Trí sự Thầy Thích Mật-Hiền
Phó Trí sự — Thích Diệu-Hoàng
Chánh thư ký — Thích Chánh-Hậu
Phó thư ký — Thích Thiện-Hỷ
Thủ quỹ — Thích Tâm-Hường
Tuần chúng — Thích Diệu-Khai

Tin hoằng pháp

Lớp giảng dạy Phật pháp do
Giáo-hội T.T. tổ chức vào lúc
7 giờ 30 tối rằm hàng tháng, và
lúc 3 giờ chiều thứ bảy và chủ
nhật hàng tuần, tại chùa Diệu-Đế,
do quý vị giảng sư Thượng tọa
Thích Đôn - Hậu, Thượng tọa
Thích Mật - Nguyên, Thầy Thích
Chơn-Trí, Thầy Thích Đức-Tâm và
quí Ni-Cô Diệu-Không, Thủ-Quán,
Thủ-Thanh v.v... phụ trách. Đã
khai giảng vào ngày 15 tháng giêng
Đinh-dậu.

Giáo-hội T.T. yêu cầu tất cả tín
dồ tích cực tham gia học hỏi Giáo
lý Đức Phật.

TIN THE GIỚI

Lễ Buddha Jayanti tại Ấn - Độ

Tại Ấn-Độ đã kỷ niệm năm 2500 năm của Đức Phật. Chánh-phủ Ấn-Độ đã tổ chức những cuộc lễ lớn tại Kinh-dê và tại các Thánh-tích lớn ở Ấn-Độ. Dưới đây là tóm tắt những cuộc lễ lớn:

a) Cuộc triển-lâm Phật-giáo.— Tại New Delhi, đã tổ chức một cuộc triển-lâm Phật-giáo đặc biệt trong ấy phần đông các lục Phật-giáo đều tham dự. Đặc biệt nhất là gian phòng Ấn-Độ, với các tượng đá, họa phàm rất có giá trị, rải rác tại các Thánh-tích này đưa về trình bày hoặc phóng họa lại. Thứ hai là gian phòng của Phật-giáo Trung-Quốc với những tài liệu quý giá trình bày la liệt. Những họa phàm, bích hoa ở các động như Tuân-Hoàng cung được trình bày, các bộ kinh in hoặc chép tay qua các thời đại, giới thiệu cho công chúng biết ảnh hưởng sâu đậm của đạo Phật đến văn-hóa Trung-Hoa. Gian phòng triển-lâm Phật-giáo Việt-Nam được liệt về hạng ba, đặc biệt nhất là bức tượng đức Quán - Thủ - Âm rất mỹ thuật, khiến mọi người đều thán phục mỹ thuật Phật - giáo Việt-Nam. Một điều đặc biệt nữa là các ngôi Chùa rất cổ từ đời Lê đời Lý đều được chụp bóng để trình bày và giới thiệu cho mọi người rõ đạo Phật qua các thời đại. Cuộc triển-lâm này sẽ đem di trình bày tại các đô thị

lớn. Đến ngày 31 tháng 1-1957 nay, sẽ đem trình bày tại Patna.

b) Buổi họp công cộng tại Hội Trường Ramlila Ngày 24-11-57, tại Hội trường Ramlila, New, Delhi đã tổ chức một cuộc họp công cộng nhân dịp lễ Buddha Jayanti. Ngài Rajendra Prasad, Tông Thống nước Ấn-Độ tỏ ý hoan hỷ được thấy nhiều nước đã công nhận Pancha Sila, làm nền tảng trong sự truyền giáo quốc tế. Thủ tướng Sri Jawaharlal Nehru có ý mong không có chiến tranh thứ ba. Ngài tuyên bố điều hệ trọng nhất là đừng cho các sự kiện thêm rắc rối, nguy hiểm. Và điểm này là một điểm khó, vì không dễ gì mà nói các người khác rằng các người đã di làm đường, Ấn ý nói đến những việc vừa mới xảy ra, và sự sờ hại do chúng gây lên, Ngài nói «Mày dày đã che kín thế-giới». Luận bàn đến chiến tranh và sửa soạn chiến tranh đưa đến kết quả làm thời cuộc khẩn trương. Xu hướng chúng là thêu dệt bước tới kẻ đối địch của mình, và rất khó mà nhận cho đúng ai là phải, ai trái. Chính sự thật là nạn nhân trước tiên, và chúng ta không biết trước thời cuộc hiện tại sẽ đưa chúng ta đến đâu. Ngài nói tiếp «Nhưng mỗi khi tôi nghĩ đến đức Phật, tôi cảm thấy gánh nặng của tôi nhẹ dần, Đây là một người, sinh trưởng tại Ấn-Độ, đã ảnh hưởng đến toàn dân trong nước ngàn vạn năm...

cuộc cách mạng chân chính phải lại sự thay đổi trong tâm và a mọi người, và chính là điều mà Phật đã cố gắng để thực hiện. phi có một sự thay đổi trong niêm tư tưởng, con người và giới không thể bỏ được. tướng U-Nu, nguyên thủ tướng Điện kêu gọi những ai chân tim đến hòa bình hay suy nghĩ nhiều đến những lời dạy đức Phật Ngài dạy còn lại điểm lành triết chứng tốt này. Bác sĩ Radhakrishnan, tịch ban tổ chức lễ Buddha-ni, nói rằng, thật là một sự hợp tốt đẹp mà UNESCO tại New Delhi lại trùng với kỷ niệm 2500 năm đức Phật Niết Bàn. Dầu đức Phật sinh sống tại Ấn-Độ, lời dạy của i có ý nghĩa quốc tế. Như vậy hợp lệ mà UNESCO tổ chức kỷ niệm đức Phật. Ông Atmas Humphraya, Hội trưởng Phật-Giáo Anh Quốc, tại n Độ nói rằng Âu-Tây nay hơn 100 năm đã nghiên cứu đạo Phật và có thể đứng vị khách quan để tìm hiểu. n có hơn 10 ngàn người tại Châu tìm học thế nào là đời của người Phật-tử. Trong sự gắng để sống theo lời dạy của Phật mà thế giới trở thành Ông Jayweera Xuruppu, Bộ trưởng bộ Văn hóa Tích Lan nói sự cố gắng của các nhà Lãnh Ấn-Độ đưa đức Phật lên một

địa vị đặc biệt đáng khen ngợi. Ấn-Độ đang thành một vị lãnh đạo thế-giới nhờ truyền bá triết lý của đạo Phật.

c) *Diễn đàn về ảnh hưởng của đạo Phật trên địa hạt mỹ thuật, văn chương và triết học.* — Tại New Delhi, từ ngày 25 tháng 11, đến ngày 29 tháng 11 năm 1956, đã tổ chức một cuộc diễn đàn lớn thảo luận về ảnh hưởng của đạo Phật trên địa hạt mỹ thuật, văn chương và triết học, Một số đồng Phật tử đại biểu cho các nước Phật tử và không Phật tử đều được mời lên trình bày quan điểm của mình, Về phần nước Việt-nam có Ngài Thích Trí-Đỗ, đại diện cho Việt-nam nói đến ảnh hưởng đạo Phật trong văn chương Việt-nam, và Đạo hữu Mai-thọ-Truyền, nói «Ảnh hưởng lời dạy của đức Phật đến dân chúng Việt-nam».

d) *Phim «Gautam the Buddha» (Đức Phật Gautama).* — Một cuốn phim, do Chánh phủ Ấn-Độ, sản xuất và do ông Rajbans Khanna dàn cảnh để kỷ niệm lễ Buddha Jayanti. Trong cuốn phim này, các tài tử là các tượng, các phù hiệu và bích họa, và có những con sông, Ấn-Độ, ngọn gió Ấn-Độ, núi, sông và đất nước Ấn-Độ. Hội thoại thời không có chỉ có giọng nói trình bày câu chuyện. Trước hết là lời nói của Mahaprajapati Gotami đã nuôi dưỡng đức Phật và là người đầu tiên thọ giới

Tỳ kheo Ni kè lại dời sống của vị hoàng tử khi Ngài sinh cho đến khi ngài xuất gia. Rồi đến giọng nói của Kaundinya (Kiều tran Như) một trong những người đệ tử đầu tiên của Ngài thuật tiếp dời sống đức Phật cho đến khi Ngài thuyết pháp lần đầu tiên. Rồi đến Yaso-dhara (Da-du-dà-La), người vợ đỗ thương và bị xa chông kè lại cuộc dễn thăm đức Phật của nàng khi đức Phật về để độ trì nàng và con của nàng. Rồi đến giọng của A-Nan, người đệ tử đức Phật, thuật lại những năm cuối cùng của đức Phật và những lời dạy cuối cùng của Ngài. Một giọng nói ấm cúng trả lời, trong khi trên màn ảnh chiếu cảnh đức Phật nằm nhập niết bàn « Ta là ai mà dám lại lời dạy cho Giáo Hội. Vì ta không bao giờ, này A-Nan, ta không bao giờ xem mình như vậy. Ngày A-Nan, ta thường dạy người hãy tự y cứ nơi mình, hay tự mình là ợá biết khóc và mỉm cười.

bỏ được sỏi đường cho mình, tự mình quy y mình.» Rồi cách thay đổi, và mặt bức tượng Sarnath rất đẹp hiện ra, và tượng ấy to dần như thấu đến các eỏi tròn. Giọng nói ấy nói tiếp : « Ngày A-Nan, chúng ta hãy tiến tới, cao hơn và cao hơn, mạnh và mạnh hơn. Và chúng ta sẽ giải thoát vô cùng tận. « Này còn bầu trời rộng và trong sáng, với một ít mây lơ lửng.» Ta là người sung sướng nhất» giọng nói tiếp « Không ai sung sướng như ta.» Thật là một cuốn phim ám ảnh chúng ta, làm chúng ta cảm động; và chỉ dùug tượng họa, tượng đồng, lấy từ Trung Á, Trung Hoa, Nam Lào, Điện Điện và Tích Lan đều đạt. Tất cả những kho tàng quý áu ấy hòa đồng chung hợp với nhau thành một hoà điệu linh động những tượng biết múa, chung hồn bằng y cứ nơi mình, hay tự mình là ợá biết khóc và mỉm cười.

ĐÓN ĐỌC :

ĐÂY, GIA - ĐÌNH

Của Đ.H. VÕ - ĐÌNH - CƯỜNG

Đã có phát hành ở các Hội-quán Hội Phật-Học và các tiệm sách, giá mỗi quyển 35\$ in trên giấy đặc biệt, bìa do Họa-Sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày.